

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2524*../UBND-TH

Quảng Bình, ngày *M*. tháng *M*. năm 2021

V/v cung cấp thông tin dự án thuộc dự
thảo Danh mục quốc gia các dự án kêu
gọi đầu tư nước ngoài 2021-2025

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Công văn số 6937/BKHĐT-ĐTNN ngày 12/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc cung cấp thông tin tóm tắt dự án thuộc dự thảo Danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài 2021-2025.

Sau khi tổ chức nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình xin cung cấp nội dung chi tiết một số dự án kêu gọi đầu tư tại địa bàn tỉnh được lựa chọn đưa vào Dự thảo Danh mục 2021-2025 tại Phụ lục chi tiết kèm theo.

UBND tỉnh Quảng Bình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- BQL KKT;
- Lưu: VT, TH.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



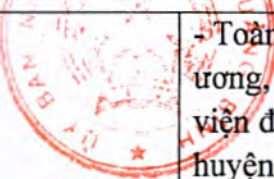
Đoàn Ngọc Lâm


PHỤ LỤC: THÔNG TIN CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ
(Kèm theo Công văn số 201/UBND-TH ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Dự án số 44 tại Phụ lục danh mục dự án - Công văn số 5748/BKHĐT-ĐTNN ngày 30/8/2021

1. TÊN DỰ ÁN	Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Hòn La II	
2. MÃ SỐ		
3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	<p>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cơ quan: Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình - Địa chỉ: 117 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện: Phan Văn Thường - Chức vụ: Trưởng ban - Điện thoại: 0232.3828513 - Fax: 0232.3828516 - Email: kkt@quangbinh.gov.vn - Website: https://bqlkkt.quangbinh.gov.vn <p>3.2. Lĩnh vực hoạt động/ chức năng nhiệm vụ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là khu công nghiệp, khu kinh tế) và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế</p> <p>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người liên hệ: Nguyễn Quốc Khánh - Chức vụ: Phó Trưởng ban - Điện thoại: 0979216999 - Email: khanhng.kkt@quangbinh.gov.vn 	
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN đáp ứng nhu cầu của NĐT: Công nghiệp cơ khí, chế tạo, chế biến nông sản, lâm, thủy hải sản, thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng: dệt may, giày da....	
5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN	Đã có quy hoạch chi tiết; Khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, Hiện đã đầu tư trực chính bằng đường bê tông nhựa nối từ quốc lộ 1 vào KCN với chiều rộng 32m	
6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	Thành lập tổ chức kinh tế	
7. QUY MÔ ĐẦU TƯ	7.1. Vốn đầu tư dự kiến	1.500 tỷ đồng
	7.2. Diện tích đất sử dụng	177ha
	7.3. Nhu cầu về điện	Khoảng 60.000KW
	7.4. Nhu cầu về nước	Khoảng 11.000 m3/ ngày.đêm.
	7.5. Nhu cầu về lao động	N=10.0000 người
8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8.1. Chi phí trước đầu tư	- Nghiên cứu dự án: Chưa xác định - Tư vấn, khảo sát: Chưa xác định

	8.2. Chi phí đất đai	- Tiền thuê đất: 3.500 đồng/m ² /năm
	8.3. Chi phí xây dựng	- Đền bù, giải phóng mặt bằng: 300 tỷ đồng - Thi công: Khoảng 1.100 tỷ đồng
	8.4. Máy móc thiết bị	- Khoảng 100 tỷ đồng
	8.5. Chi phí khác	- Vận chuyển, bảo hiểm: Chưa xác định - Chi phí đào tạo lao động: Chưa xác định
	8.6. Vốn lưu động	Chưa xác định
9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)	9.1. Thời gian đầu tư xây dựng (năm)	03-05 năm
	9.2. Thời gian dự kiến đi vào hoạt động	2026
10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI	Các nhà đầu tư có năng lực đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp	
11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG	11.1. Vị trí địa lý:	Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 7.999 km ² . Ranh giới: - Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh - Phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị - Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Tỉnh có chung biên giới với Lào 201,87 km) - Phía Đông giáp biển Đông. (Tỉnh có bờ biển dài 116,04 km)
	11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu:	Quảng Bình nằm ở vùng nhiệt đới gió mùa và luôn bị tác động bởi khí hậu của phía Bắc và phía Nam và được chia làm hai mùa rõ rệt: + Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa trung bình hàng năm 1.500 - 2.000mm/năm. Thời gian mưa tập trung vào các tháng 9, 10 và 11. + Mùa khô từ tháng 4 đến tháng 8 với nhiệt độ trung bình 24°C - 25°C. Ba tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng 6, 7 và 8.
	11.3. Dân số:	901.984 (năm 2020)
	11.4. Đơn vị hành chính:	gồm 08 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 01 Thành phố, 01 Thị xã và 06 huyện
	11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế:	- Hệ thống trường học gồm 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề

	 <p>- Toàn tỉnh hiện có 176 cơ sở y tế công lập (1 bệnh viện tuyến trung ương, 4 đơn vị tuyến tỉnh, 1 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 bệnh viện đa khoa khu vực, 6 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 8 trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 151 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 Bệnh xá 24 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với quy mô 35 giường bệnh và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.</p>
12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG	<p>- Tốc độ tăng trưởng (GDP): Tăng trưởng của cả giai đoạn 2011-2020 đạt 6,21%/năm. Năm 2020 đạt 2,9%</p> <p>- GDP bình quân đầu người (USD): 46,33 triệu VNĐ (năm 2020)</p> <p>- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%): Giai đoạn 2011-2020 đạt 8,87%</p> <p>- Cơ cấu kinh tế theo ngành (%): + Nông, lâm, thủy sản: 21,42% + Công nghiệp - xây dựng: 24,46% + Dịch vụ: 50,39%</p> <p>- Một số chỉ tiêu khác: Không</p>
13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS	<p>13.1. Đường bộ: Đầy đủ, có Quốc lộ 1A đi qua Khu công nghiệp Hòn La II</p> <p>13.2. Đường hàng không: Cách sân bay Thành phố Đồng Hới 50km</p> <p>13.3. Đường biển: Cách Cảng biển nước sâu Hòn La 7 km</p> <p>13.4. Đường sắt: Cách ga đường sắt thành phố Đồng Hới 60 km</p>
14. NGUỒN LAO ĐỘNG	<p>14.1. Số lượng lao động: Số lượng người trong độ tuổi lao động trên tổng dân số của tỉnh: 505.258/901.984 người</p> <p>14.2. Trình độ lao động: 21,9% lao động làm việc đã qua đào tạo</p> <p>14.3. Cơ sở đào tạo hiện có: 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề</p> <p>14.4. Chi phí lao động: Chưa xác định</p>
15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN	<p>15.1. Vị trí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí trong tỉnh: Thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. - Vị trí trong vùng/ khu vực: - Phía Đông Bắc giáp: Khu luyện gang và sản xuất phôi thép Anh Trang - Phía Tây Nam giáp: Khu dân cư và đất trồng trọt của thôn Nam Lãnh và thôn Phú Lộc, xã Quảng Phú. - Phía Đông Nam giáp: Quốc lộ 1A. - Phía Tây giáp : núi Mũi Ôm, xã Quảng Phú. - Khoảng cách địa điểm dự án tới sân bay, bên cảng, đường cao tốc, quốc lộ... - Bản đồ vị trí dự án:

		
	15.2. Hiện trạng hạ tầng	<p>- Loại đất: Đã có quy hoạch chi tiết; Khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, Hiện đã đầu tư trục đường bê chính nối từ quốc lộ 1 vào KCN với chiều rộng 32m</p>
	15.3. Điện	<p>- Tình hình cung cấp điện: Hệ thống điện lưới quốc gia 220KV và 110KV đồng bộ đảm bảo cung cấp năng lượng cho dự án.</p>
	15.4. Nước	<p>- Tình hình cung cấp nước: Nhà máy nước Sông Thai cấp nước Khu kinh tế Hòn La với công suất 12.000m³/ngàyđêm</p>
	15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải	<p>- Hiện trạng: Đẩu nổi ra hệ thống nước thải sinh hoạt công suất xử lý 10.300 mét khối/ngày. Nước thải công nghiệp đưa về hệ thống xử lý chung của KCN.</p>
	15.6. Thông tin liên lạc	<p>- Các dịch vụ hiện có: Cách ngân hàng PGD Roon BIDV Bắc Quảng Bình, cách 500m, cách cơ quan thuế, kho bạc 25km, cách Hải quan 3km, cách bưu điện 500m, cách bệnh viện, cơ sở y tế 25km, cách Công an 25km</p>
	15.7. Giao thông	<p>Từ khu vực này tới cửa khẩu Cha Lo khoảng gần 150 km; cách các tỉnh Đông Bắc Thái Lan 300 km và là con đường ngắn nhất của Lào và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan ra biển. Gần Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 12A, Cảng Hòn La, cảng Vũng Áng, cách sân bay Đồng Hới khoảng 60km, rất thuận tiện cho việc giao thông đi lại, vận chuyển hàng hoá.</p>
	15.8. Nhân lực	<p>Đáp ứng tốt</p>
16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI	<p>- Về đất đai:</p>	

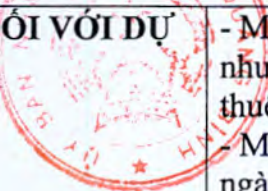
ĐỐI VỚI DỰ ÁN	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 3 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. - Miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-Cp ngày 09/9/2016 của Chính phủ (15 năm kể từ khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động). - Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu các loại hàng hóa tạo nên tài sản cố định của dự án. - Thuế thu nhập doanh nghiệp: - Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội 	
17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU	17.1. Cơ cấu sản phẩm	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp để phục vụ cho các Nhà đầu tư đến thuê đất, hoạt động sản xuất dự án
	17.2. Nguyên liệu	Chưa xác định
18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN	Tự xác định	
19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	Chưa xác định	
20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình cơ quan đầu mối nhận hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ cấp Quyết định Chủ trương đầu tư.
	20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:	Hồ sơ bao gồm các thủ tục đã được quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Số lượng hồ sơ: 08 bộ.
	20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
	20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép	47 ngày.

**2. Dự án số 60 tại Phụ lục danh mục dự án - Công văn số 5748/BKHĐT-ĐTNN
ngày 30/8/2021**

1. TÊN DỰ ÁN	Nhà máy điện LNG Quảng Bình	
2. MÃ SỐ		
3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	<p>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án: - Tên cơ quan: Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình - Địa chỉ: 117 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện: Phan Văn Thường - Chức vụ: Trưởng ban - Điện thoại: 0232.3828513 - Fax: 0232.3828516 - Email: kkt@quangbinh.gov.vn - Website: https://bqlkkt.quangbinh.gov.vn</p> <p>3.2. Lĩnh vực hoạt động/ chức năng nhiệm vụ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là khu công nghiệp, khu kinh tế) và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế</p> <p>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án: - Người liên hệ: Nguyễn Quốc Khánh - Chức vụ: Phó Trưởng ban - Điện thoại: 0979216999 - Email: khanhnq.kkt@quangbinh.gov.vn</p>	
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	Xây dựng nhà máy điện khí, công suất 3.000MW	
5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN	Đang đề xuất bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia	
6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	IPP/BOT hoặc IPP/BOO	
7. QUY MÔ ĐẦU TƯ	7.1. Vốn đầu tư dự kiến	Khoảng 3,6 tỷ USD
	7.2. Diện tích đất sử dụng	108,6ha trên bờ và khoảng 150ha mặt biển
	7.3. Nhu cầu về điện	2%
	7.4. Nhu cầu về nước	2.400m ³ /ngày nước ngọt và 1.000 m ³ /ngày nước khử khoáng
	7.5. Nhu cầu về lao động	200-300 người trong giai đoạn vận hành
8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ (triệu USD)	8.1. Chi phí trước đầu tư	56,40
	8.2. Chi phí đất đai	48,19
	8.3. Chi phí xây dựng	941,61
	8.4. Máy móc thiết bị	1.878,63
	8.5. Chi phí khác	254,28
	8.6. Vốn lưu động	442,71

9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)	9.1. Thời gian đầu tư xây dựng (năm)	8
	9.2. Thời gian dự kiến đi vào hoạt động	2030
10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI	Nhà đầu tư có năng lực và kinh nghiệm đến từ các nước như Hoa Kỳ, LB Nga, Úc, Qatar	
11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG	11.1. Vị trí địa lý: Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 7.999 km ² . Ranh giới: - Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh - Phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị - Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Tỉnh có chung biên giới với Lào 201,87 km) - Phía Đông giáp biển Đông. (Tỉnh có bờ biển dài 116,04 km)	
	11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu: Nhiệt đới gió mùa ẩm	
	11.3. Dân số: 901.984 (năm 2020)	
	11.4. Đơn vị hành chính: 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện	
	11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế: - Hệ thống trường học gồm 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề - Toàn tỉnh hiện có 176 cơ sở y tế công lập (1 bệnh viện tuyến trung ương, 4 đơn vị tuyến tỉnh, 1 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 bệnh viện đa khoa khu vực, 6 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 8 trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 151 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 Bệnh xá 24 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với quy mô 35 giường bệnh và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.	
12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG	- Tốc độ tăng trưởng (GDP): Tăng trưởng của cả giai đoạn 2011-2020 đạt 6,21%/năm. Năm 2020 đạt 2,9% - GDP bình quân đầu người (USD): 46,33 triệu VNĐ (năm 2020) - Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%): Giai đoạn 2011-2020 đạt 8,87% - Cơ cấu kinh tế theo ngành (%): + Nông, lâm, thủy sản: 21,42% + Công nghiệp - xây dựng: 24,46% + Dịch vụ: 50,39% - Một số chỉ tiêu khác: Không	

13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS	13.1. Đường bộ: Có tuyến quốc lộ 1A chạy qua, ngoài ra còn có đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường bộ huyết mạch từ Đông sang Tây 13.2. Đường hàng không: Có Cảng hàng không nội địa 13.3. Đường biển: Có Cảng biển loại II 13.4. Đường sắt: Có đường sắt Bắc Nam chạy qua	
14. NGUỒN LAO ĐỘNG	14.1. Số lượng lao động: Số lượng người trong độ tuổi lao động trên tổng dân số của tỉnh: 505.258/901.984 người 14.2. Trình độ lao động: 21,9% lao động làm việc đã qua đào tạo 14.3. Cơ sở đào tạo hiện có: 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề 14.4. Chi phí lao động: Chưa xác định	
15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN	15.1. Vị trí	- Vị trí trong tỉnh: phía Bắc tỉnh - Vị trí trong vùng/ khu vực: Khu kinh tế Hòn La, huyện Quảng Trạch - Khoảng cách địa điểm dự án tới sân bay, bến cảng, đường cao tốc, quốc lộ... - Bản đồ vị trí dự án:
	15.2. Hiện trạng hạ tầng	- Loại đất: Đất khu kinh tế - Tình trạng giải phóng mặt bằng: Đã GPMB
	15.3. Điện	- Tình hình cung cấp điện: cấp điện từ lưới điện 22kV khu vực, cách trạm biến áp 110kV <2km - Giá điện: điện sản xuất
	15.4. Nước	- Tình hình cung cấp nước: Cấp nước từ hồ Vực Tròn cách 24km - Giá nước: Chưa xác định
	15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải	- Hiện trạng: Đã đầu tư cơ bản - Chi phí xử lý: Chưa xác định
	15.6. Thông tin liên lạc	- Các dịch vụ hiện có: Internet cáp quang, 4G - Giá dịch vụ: Chưa xác định
	15.7. Giao thông	- Phương tiện giao thông chủ yếu: vận tải đường bộ, đường biển - Chi phí đi lại/ vận tải hàng hoá: Chưa xác định
	15.8. Nhân lực	- Khả năng cung ứng lao động: Đảm bảo - Chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...
16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU	- Về đất đai:	

 ĐÃ ĐỐI VỚI DỰ ÁN	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 3 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. - Miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-Cp ngày 09/9/2016 của Chính phủ (15 năm kể từ khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động). - Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu các loại hàng hóa tạo nên tài sản cố định của dự án. - Thuế thu nhập doanh nghiệp: - Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội. 	
17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU	17.1. Cơ cấu sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chung loại: Điện/Năng lượng - Số lượng: 8.715GWh/năm
	17.2. Nguyên liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Trong nước: - Nhập khẩu: Khí LNG (3,0 triệu tấn/năm)
18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị hiện tại thuần: Tự xác định - Tỷ lệ sinh lãi: 8,58%/năm - Tỷ lệ thu hồi vốn (IRR): 12,3% - Thời gian thu hồi vốn: 14 năm - Thời gian hoàn trả vốn vay: 8 năm 	
19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	Chưa xác định	
20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình cơ quan đầu mối nhận hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ cấp Quyết định Chủ trương đầu tư.
	20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:	Hồ sơ bao gồm các thủ tục đã được quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Số lượng hồ sơ: 08 bộ.
	20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
	20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép	47 ngày.

3. Dự án số 100 tại Phụ lục danh mục dự án - Công văn số 5748/BKHĐT-ĐTNN ngày 30/8/2021

1. TÊN DỰ ÁN	Trung tâm thương mại thông minh kết hợp khu vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch tại Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng	
2. MÃ SỐ		
3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	<p>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình - Địa chỉ: Số 8 Đường 23/8, Phường Đồng Phú, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình - Người đại diện: Ông Phan Phong Phú - Chức vụ: Giám đốc - Điện thoại: 0232. 3822270/ 0232. 3821520 - Email: skhdt@quangbinh.gov.vn- Website: skhdt.quangbinh.gov.vn <p>3.2. Lĩnh vực hoạt động/chức năng nhiệm vụ: Cơ quan đăng ký đầu tư của tỉnh Quảng Bình</p> <p>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người liên hệ: Ông Hoàng Đức Thiện - Chức vụ: Phó Giám đốc - Điện thoại: 0986890808 - Email: thienhd.skhdt@quangbinh.gov.vn 	
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	Phục vụ nhu cầu mua sắm, vui chơi giải trí của người dân và du khách đến tham quan, du lịch tại Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	
5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN	Chưa giải phóng mặt bằng. Khả năng giải phóng mặt bằng tương đối thuận lợi	
6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất	
7. QUY MÔ ĐẦU TƯ	7.1. Vốn đầu tư dự kiến	250 tỷ VNĐ, tương đương 10,87 triệu USD
	7.2. Diện tích đất sử dụng	3-5 ha
	7.3. Nhu cầu về điện	Chưa xác định
	7.4. Nhu cầu về nước	Chưa xác định
	7.5. Nhu cầu về lao động	Khoảng 50 người
8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8.1. Chi phí trước đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu dự án: Khoảng 50 triệu VNĐ - Tư vấn, khảo sát: Khoảng 50 triệu VNĐ
	8.2. Chi phí đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền thuê đất: Khoảng 300 triệu/năm - Các loại thuế, phí liên quan: Không
	8.3. Chi phí xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế: Khoảng 2 tỷ VNĐ - Đền bù, giải phóng mặt bằng: Chưa xác định - Thi công: 150 tỷ VNĐ
	8.4. Máy móc thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Mua trong nước: Chưa xác định - Nhập khẩu: Chưa xác định
	8.5. Chi phí khác	<ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển, bảo hiểm: Chưa xác định

		- Chi phí đào tạo lao động: Chưa xác định
	8.6. Vốn lưu động	Chưa xác định
9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)	9.1. Thời gian đầu tư xây dựng (năm)	Từ 3 – 4 năm
	9.2. Thời gian dự kiến đi vào hoạt động	2025
10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI	Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đức	
11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG	11.1. Vị trí địa lý:	Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 7.999 km ² . Ranh giới: - Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh - Phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị - Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Tỉnh có chung biên giới với Lào 201,87 km) - Phía Đông giáp biển Đông. (Tỉnh có bờ biển dài 116,04 km)
	11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu:	Nhiệt đới gió mùa ẩm
	11.3. Dân số:	901.984 (năm 2020)
	11.4. Đơn vị hành chính:	08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện
	11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế:	- Hệ thống trường học gồm 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề - Toàn tỉnh hiện có 176 cơ sở y tế công lập (1 bệnh viện tuyến trung ương, 4 đơn vị tuyến tỉnh, 1 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 bệnh viện đa khoa khu vực, 6 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 8 trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 151 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 Bệnh xá 24 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với quy mô 35 giường bệnh và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.
	12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG	- Tốc độ tăng trưởng (GDP): Tăng trưởng của cả giai đoạn 2011-2020 đạt 6,21%/năm. Năm 2020 đạt 2,9% - GDP bình quân đầu người (USD): 46,33 triệu VNĐ (năm 2020) - Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%): Giai đoạn 2011-2020 đạt 8,87% - Cơ cấu kinh tế theo ngành (%): + Nông, lâm, thủy sản: 21,42% + Công nghiệp - xây dựng: 24,46% + Dịch vụ: 50,39% - Một số chỉ tiêu khác: Không

13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS	13.1. Đường bộ: Có tuyến quốc lộ 1A chạy qua, ngoài ra còn có đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường bộ huyết mạch từ Đông sang Tây 13.2. Đường hàng không: Có Cảng hàng không nội địa 13.3. Đường biển: Có Cảng biển loại II 13.4. Đường sắt: Có đường sắt Bắc Nam chạy qua	
14. NGUỒN LAO ĐỘNG	14.1. Số lượng lao động: Số lượng người trong độ tuổi lao động trên tổng dân số của tỉnh: 505.258/901.984 người 14.2. Trình độ lao động: 21,9% lao động làm việc đã qua đào tạo 14.3. Cơ sở đào tạo hiện có: 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề 14.4. Chi phí lao động: Chưa xác định	
15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN	15.1. Vị trí	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí trong tỉnh: Thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình - Vị trí trong vùng/khu vực: - Khoảng cách địa điểm dự án tới sân bay, bến cảng, đường cao tốc, quốc lộ: Cách đường quốc lộ Hồ Chí Minh khoảng 1km; Cách sân bay Đồng Hới khoảng 45km - Bản đồ vị trí dự án:
	15.2. Hiện trạng hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Loại đất: Đất trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân - Tình trạng giải phóng mặt bằng: Chưa giải phóng mặt bằng. Khả năng giải phóng mặt bằng tương đối thuận lợi
	15.3. Điện	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình cung cấp điện: Đảm bảo - Giá điện: Điện sản xuất
	15.4. Nước	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình cung cấp nước: Đảm bảo - Giá nước: Chưa xác định
	15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng: Chưa có - Chi phí xử lý: Chưa xác định
	15.6. Thông tin liên lạc	<ul style="list-style-type: none"> - Các dịch vụ hiện có: Internet cáp quang, 4G - Giá dịch vụ: Chưa xác định
	15.7. Giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện giao thông chủ yếu: Đường bộ - Chi phí đi lại/vận tải hàng hoá: Chưa xác định
	15.8. Nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng cung ứng lao động: Đảm bảo - Chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Chưa xác định


16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DỰ ÁN	Về đất đai: Hỗ trợ chi phí GPMB - Thuế nhập khẩu: Tùy trường hợp cụ thể - Thuế thu nhập doanh nghiệp: Tùy trường hợp cụ thể - Các điều kiện/ Ưu đãi khác: Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật ngoài hàng rào dự án, như: điện, nước, đường vào đến cổng nhà máy; Hỗ trợ kinh phí đào tạo lao động cho các nhà đầu tư.	
17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU	17.1. Cơ cấu sản phẩm	- Chung loại: Tự xác định - Số lượng: Tự xác định
18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN	Tự xác định	
19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	- Tổng quan thị trường đối với sản phẩm/dịch vụ: Du lịch – Dịch vụ tại địa bàn tỉnh Quảng Bình đang ngày càng phát triển - Nhu cầu/ Sự cần thiết đầu tư: Phong Nha là một trong các trung tâm du lịch trọng điểm của tỉnh Quảng Bình. Hệ sinh thái du lịch tại đây bao gồm hệ thống hang động, khách sạn nghỉ dưỡng và còn thiếu loại hình trung tâm thương mại dịch vụ phục vụ du khách trong và ngoài nước. - Thị trường tiêu thụ sản phẩm/dịch vụ: Khách du lịch trong và ngoài nước - Hiệu quả xã hội của dự án: Dự án giúp hoàn thiện hệ sinh thái du lịch tại trung tâm dịch vụ Phong Nha – Kẻ Bàng, giúp nâng cao đời sống vật chất và văn minh cho khu vực, cũng như tạo thêm nhiều việc làm cho người dân địa phương.	
20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:	- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp phép: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp phép: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
	20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:	1 hồ sơ gốc và 7 bản sao
	20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:	Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình
	20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép	Trong vòng 35 ngày làm việc kể từ khi hồ sơ đảm bảo hợp lệ.

4. Dự án số 113 tại Phụ lục danh mục dự án - Công văn số 5748/BKHĐT-ĐTNN ngày 30/8/2021

1. TÊN DỰ ÁN	Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp chất lượng cao tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	
2. MÃ SỐ		
3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	<p>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án: - Tên cơ quan: Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình - Địa chỉ: 117 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện: Phan Văn Thường - Chức vụ: Trưởng ban - Điện thoại: 0232.3828513 - Fax: 0232.3828516 - Email: kkt@quangbinh.gov.vn - Website: https://bqlkkt.quangbinh.gov.vn</p> <p>3.2. Lĩnh vực hoạt động/ chức năng nhiệm vụ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là khu công nghiệp, khu kinh tế) và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế</p> <p>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án: - Người liên hệ: Nguyễn Quốc Khánh - Chức vụ: Phó Trưởng ban - Điện thoại: 0979216999 - Email: khanhnq.kkt@quangbinh.gov.vn</p>	
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	Sản xuất gỗ MDF và ván sàn từ nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh; Công suất: 150.000-180.000m ³ /năm	
5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN	Tỉnh kêu gọi đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025	
6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	Đầu tư nước ngoài	
7. QUY MÔ ĐẦU TƯ	7.1. Vốn đầu tư dự kiến	100 triệu USD
	7.2. Diện tích đất sử dụng	10 ha
	7.3. Nhu cầu về điện	Chưa xác định
	7.4. Nhu cầu về nước	Chưa xác định
	7.5. Nhu cầu về lao động	Chưa xác định
8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8.1. Chi phí trước đầu tư	Chưa xác định
	8.2. Chi phí đất đai	Chưa xác định
	8.3. Chi phí xây dựng	Chưa xác định
	8.4. Máy móc thiết bị	Chưa xác định
	8.5. Chi phí khác	Chưa xác định
	8.6. Vốn lưu động	Chưa xác định

9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)	9.1. Thời gian đầu tư xây dựng (năm)	Chưa xác định
	9.2. Thời gian dự kiến đi vào hoạt động	Chưa xác định
10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI	Chưa xác định	
11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG	<p>11.1. Vị trí địa lý: Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 7.999 km². Ranh giới: - Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh - Phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị - Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Tỉnh có chung biên giới với Lào 201,87 km) - Phía Đông giáp biển Đông. (Tỉnh có bờ biển dài 116,04 km)</p> <p>11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu: Nhiệt đới gió mùa ẩm</p> <p>11.3. Dân số: 901.984 (năm 2020)</p> <p>11.4. Đơn vị hành chính: 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện</p> <p>11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế: - Hệ thống trường học gồm 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Đào nghề - Toàn tỉnh hiện có 176 cơ sở y tế công lập (1 bệnh viện tuyến trung ương, 4 đơn vị tuyến tỉnh, 1 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 bệnh viện đa khoa khu vực, 6 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 8 trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 151 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 Bệnh xá 24 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với quy mô 35 giường bệnh và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.</p>	
12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG	<p>- Tốc độ tăng trưởng (GDP): Tăng trưởng của cả giai đoạn 2011-2020 đạt 6,21%/năm. Năm 2020 đạt 2,9%</p> <p>- GDP bình quân đầu người (USD): 46,33 triệu VNĐ (năm 2020)</p> <p>- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%): Giai đoạn 2011-2020 đạt 8,87%</p> <p>- Cơ cấu kinh tế theo ngành (%): + Nông, lâm, thủy sản: 21,42% + Công nghiệp - xây dựng: 24,46% + Dịch vụ: 50,39%</p> <p>- Một số chỉ tiêu khác: Không</p>	

13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS	13.1. Đường bộ: Có tuyến quốc lộ 1A chạy qua, ngoài ra còn có đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường bộ huyết mạch từ Đông sang Tây 13.2. Đường hàng không: Có Cảng hàng không nội địa 13.3. Đường biển: Có Cảng biển loại II 13.4. Đường sắt: Có đường sắt Bắc Nam chạy qua	
14. NGUỒN LAO ĐỘNG	14.1. Số lượng lao động: Số lượng người trong độ tuổi lao động trên tổng dân số của tỉnh: 505.258/901.984 người 14.2. Trình độ lao động: 21,9% lao động làm việc đã qua đào tạo 14.3. Cơ sở đào tạo hiện có: 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề 14.4. Chi phí lao động: Chưa xác định	
15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN	15.1. Vị trí	- Vị trí trong tỉnh: Các Khu công nghiệp tỉnh.
	15.2. Hiện trạng hạ tầng	Chưa xác định
	15.3. Điện	Chưa xác định
	15.4. Nước	Chưa xác định
	15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải	Chưa xác định
	15.6. Thông tin liên lạc	- Các dịch vụ hiện có: Internet cáp quang, 4G - Giá dịch vụ: Chưa xác định
	15.7. Giao thông	- Phương tiện giao thông chủ yếu: Đường bộ - Chi phí đi lại/vận tải hàng hoá: Chưa xác định
	15.8. Nhân lực	- Khả năng cung ứng lao động: Đảm bảo - Chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Chưa xác định
16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DỰ ÁN	- Về đất đai: - Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 3 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. - Miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-Cp ngày 09/9/2016 của Chính phủ (15 năm kể từ khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động). - Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu các loại hàng hóa tạo nên tài sản cố định của dự án. - Thuế thu nhập doanh nghiệp: - Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội	
	17.1. Cơ cấu sản phẩm	Tự xác định

 17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU	17.2. Nguyên liệu	Tự xác định
18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN	Tự xác định	
19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	Chưa xác định	
20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình là cơ quan đầu mối nhận hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ cấp Quyết định Chủ trương đầu tư.
	20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:	Hồ sơ bao gồm các thủ tục đã được quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Số lượng hồ sơ: 08 bộ.
	20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
	20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép	47 ngày.

5. Dự án số 131 tại Phụ lục danh mục dự án - Công văn số 5748/BKHĐT-ĐTNN ngày 30/8/2021

1. TÊN DỰ ÁN	Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	
2. MÃ SỐ		
3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	<p>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cơ quan: Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình - Địa chỉ: 117 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện: Phan Văn Thường - Chức vụ: Trưởng ban - Điện thoại: 0232.3828513 - Fax: 0232.3828516 - Email: kkt@quangbinh.gov.vn - Website: https://bqlkkt.quangbinh.gov.vn <p>3.2. Lĩnh vực hoạt động/ chức năng nhiệm vụ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là khu công nghiệp, khu kinh tế) và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế</p> <p>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người liên hệ: Nguyễn Quốc Khánh - Chức vụ: Phó Trưởng ban - Điện thoại: 0979216999 - Email: khanhnq.kkt@quangbinh.gov.vn 	
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	Đầu tư nhà máy chế biến thủy sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu công suất 5.000 tấn/năm nhằm khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu thủy hải sản sẵn có từ hoạt động khai thác và nuôi thủy sản; nâng cao giá trị sản phẩm và tạo việc làm cho lao động tại địa phương.	
5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN	Tỉnh kêu gọi đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025	
6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	Đầu tư nước ngoài	
7. QUY MÔ ĐẦU TƯ	7.1. Vốn đầu tư dự kiến	30 triệu USD
	7.2. Diện tích đất sử dụng	3-5ha
	7.3. Nhu cầu về điện	Trạm biến áp 3 pha đáp ứng công suất của nhà máy
	7.4. Nhu cầu về nước	Tiêu chuẩn nước sạch sinh hoạt cung cấp đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.
	7.5. Nhu cầu về lao động	500 lao động phổ thông
8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8.1. Chi phí trước đầu tư	Chưa xác định
	8.2. Chi phí đất đai	Chưa xác định
	8.3. Chi phí xây dựng	Chưa xác định
	8.4. Máy móc thiết bị	Chưa xác định

	8.5. Chi phí khác	Chưa xác định
	8.6. Vốn lưu động	Chưa xác định
9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)	9.1. Thời gian đầu tư xây dựng (năm)	18-24 tháng
	9.2. Thời gian dự kiến đi vào hoạt động	Năm 2023
10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI	EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Trung Quốc,...	
11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG	11.1. Vị trí địa lý:	Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 7.999 km ² . Ranh giới: - Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh - Phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị - Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Tỉnh có chung biên giới với Lào 201,87 km) - Phía Đông giáp biển Đông. (Tỉnh có bờ biển dài 116,04 km)
	11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu:	Nhiệt đới gió mùa ẩm
	11.3. Dân số:	901.984 (năm 2020)
	11.4. Đơn vị hành chính:	08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện
	11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế:	- Hệ thống trường học gồm 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề - Toàn tỉnh hiện có 176 cơ sở y tế công lập (1 bệnh viện tuyến trung ương, 4 đơn vị tuyến tỉnh, 1 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 bệnh viện đa khoa khu vực, 6 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 8 trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 151 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 Bệnh xá 24 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với quy mô 35 giường bệnh và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.
12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG	- Tốc độ tăng trưởng (GDP): Tăng trưởng của cả giai đoạn 2011-2020 đạt 6,21%/năm. Năm 2020 đạt 2,9% - GDP bình quân đầu người (USD): 46,33 triệu VNĐ (năm 2020) - Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%): Giai đoạn 2011-2020 đạt 8,87% - Cơ cấu kinh tế theo ngành (%): + Nông, lâm, thủy sản: 21,42% + Công nghiệp - xây dựng: 24,46% + Dịch vụ: 50,39% - Một số chỉ tiêu khác: Không	

13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS	13.1. Đường bộ: Có tuyến quốc lộ 1A chạy qua, ngoài ra còn có đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường bộ huyết mạch từ Đông sang Tây 13.2. Đường hàng không: Có Cảng hàng không nội địa 13.3. Đường biển: Có Cảng biển loại II 13.4. Đường sắt: Có đường sắt Bắc Nam chạy qua	
14. NGUỒN LAO ĐỘNG	14.1. Số lượng lao động: Số lượng người trong độ tuổi lao động trên tổng dân số của tỉnh: 505.258/901.984 người 14.2. Trình độ lao động: 21,9% lao động làm việc đã qua đào tạo 14.3. Cơ sở đào tạo hiện có: 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề 14.4. Chi phí lao động: Chưa xác định	
15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN	15.1. Vị trí	- Vị trí trong tỉnh: Các Khu công nghiệp tỉnh.
	15.2. Hiện trạng hạ tầng	Chưa xác định
	15.3. Điện	Chưa xác định
	15.4. Nước	Chưa xác định
	15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải	Chưa xác định
	15.6. Thông tin liên lạc	- Các dịch vụ hiện có: Internet cáp quang, 4G - Giá dịch vụ: Chưa xác định
	15.7. Giao thông	- Phương tiện giao thông chủ yếu: Đường bộ - Chi phí đi lại/vận tải hàng hoá: Chưa xác định
	15.8. Nhân lực	- Khả năng cung ứng lao động: Đảm bảo - Chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Chưa xác định
16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DỰ ÁN	- Về đất đai: - Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 3 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. - Miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-Cp ngày 09/9/2016 của Chính phủ (15 năm kể từ khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động). - Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu các loại hàng hóa tạo nên tài sản cố định của dự án. - Thuế thu nhập doanh nghiệp: - Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội	
	17.1. Cơ cấu sản phẩm	- Chủng loại: Tôm đông lạnh 30%, mực đông lạnh 50%, khác 20%.

17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU		- Số lượng: 5.000 tấn thành phẩm
	17.2. Nguyên liệu	- Trong nước: 100% - Nhập khẩu:
18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN	Tự xác định	
19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	Chưa xác định	
20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình cơ quan đầu mối nhận hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ cấp Quyết định Chủ trương đầu tư.
	20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:	Hồ sơ bao gồm các thủ tục đã được quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Số lượng hồ sơ: 08 bộ.
	20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
	20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép	47 ngày.

6. Dự án số 154 tại Phụ lục danh mục dự án - Công văn số 5748/BKHĐT-ĐTNN ngày 30/8/2021

1. TÊN DỰ ÁN	Nhà máy sản xuất thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện năng tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	
2. MÃ SỐ		
3. CƠ QUAN QUẢN LÝ DỰ ÁN	<p>3.1. Thông tin cơ quan quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cơ quan: Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình - Địa chỉ: 117 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện: Phan Văn Thường - Chức vụ: Trưởng ban - Điện thoại: 0232.3828513 - Fax: 0232.3828516 - Email: kkt@quangbinh.gov.vn - Website: https://bqlkkt.quangbinh.gov.vn <p>3.2. Lĩnh vực hoạt động/ chức năng nhiệm vụ: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là khu công nghiệp, khu kinh tế) và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế</p> <p>3.3. Liên hệ tìm hiểu dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người liên hệ: Nguyễn Quốc Khánh - Chức vụ: Phó Trưởng ban - Điện thoại: 0979216999 - Email: khanhnq.kkt@quangbinh.gov.vn 	
4. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN	Sản xuất thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	
5. TÌNH TRẠNG DỰ ÁN	Tỉnh kêu gọi đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025	
6. HÌNH THỨC ĐẦU TƯ	Đầu tư nước ngoài	
7. QUY MÔ ĐẦU TƯ	7.1. Vốn đầu tư dự kiến	50-100 triệu USD
	7.2. Diện tích đất sử dụng	50 ha
	7.3. Nhu cầu về điện	Chưa xác định
	7.4. Nhu cầu về nước	Chưa xác định
	7.5. Nhu cầu về lao động	Chưa xác định
8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ	8.1. Chi phí trước đầu tư	Chưa xác định
	8.2. Chi phí đất đai	Chưa xác định
	8.3. Chi phí xây dựng	Chưa xác định
	8.4. Máy móc thiết bị	Chưa xác định
	8.5. Chi phí khác	Chưa xác định
	8.6. Vốn lưu động	Chưa xác định

9. THỜI HẠN DỰ ÁN (Kế hoạch/ Tiến độ thực hiện)	9.1. Thời gian đầu tư xây dựng (năm)	Chưa xác định
	9.2. Thời gian dự kiến đi vào hoạt động	Chưa xác định
10. MONG MUỐN TÌM KIẾM ĐỐI TÁC NƯỚC NGOÀI	Chưa xác định	
11. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA PHƯƠNG	<p>11.1. Vị trí địa lý: Tỉnh Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, Việt Nam, với diện tích tự nhiên 7.999 km². Ranh giới: - Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh - Phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị - Phía Tây giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Tỉnh có chung biên giới với Lào 201,87 km) - Phía Đông giáp biển Đông. (Tỉnh có bờ biển dài 116,04 km)</p> <p>11.2. Điều kiện tự nhiên, khí hậu: Nhiệt đới gió mùa ẩm</p> <p>11.3. Dân số: 901.984 (năm 2020)</p> <p>11.4. Đơn vị hành chính: 08 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện</p> <p>11.5. Tình hình giáo dục, phúc lợi y tế: - Hệ thống trường học gồm 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề - Toàn tỉnh hiện có 176 cơ sở y tế công lập (1 bệnh viện tuyến trung ương, 4 đơn vị tuyến tỉnh, 1 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 bệnh viện đa khoa khu vực, 6 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, 8 trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố và 151 trạm y tế xã). Ngoài ra, còn có 01 Bệnh xá 24 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh với quy mô 35 giường bệnh và 01 Bệnh xá Công an tỉnh.</p>	
12. TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG	<p>- Tốc độ tăng trưởng (GDP): Tăng trưởng của cả giai đoạn 2011-2020 đạt 6,21%/năm. Năm 2020 đạt 2,9%</p> <p>- GDP bình quân đầu người (USD): 46,33 triệu VNĐ (năm 2020)</p> <p>- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng (%): Giai đoạn 2011-2020 đạt 8,87%</p> <p>- Cơ cấu kinh tế theo ngành (%): + Nông, lâm, thủy sản: 21,42% + Công nghiệp - xây dựng: 24,46% + Dịch vụ: 50,39%</p> <p>- Một số chỉ tiêu khác: Không</p>	

13. HẠ TẦNG GIAO THÔNG, KẾT NỐI LOGISTICS	13.1. Đường bộ: Có tuyến quốc lộ 1A chạy qua, ngoài ra còn có đường Hồ Chí Minh và các tuyến đường bộ huyết mạch từ Đông sang Tây 13.2. Đường hàng không: Có Cảng hàng không nội địa 13.3. Đường biển: Có Cảng biển loại II 13.4. Đường sắt: Có đường sắt Bắc Nam chạy qua	
14. NGUỒN LAO ĐỘNG	14.1. Số lượng lao động: Số lượng người trong độ tuổi lao động trên tổng dân số của tỉnh: 505.258/901.984 người 14.2. Trình độ lao động: 21,9% lao động làm việc đã qua đào tạo 14.3. Cơ sở đào tạo hiện có: 01 trường đại học với quy mô đào tạo 2.500 sinh viên/năm; 16 cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm: 04 trường Cao đẳng, 03 trường Trung cấp, 09 trung tâm Giáo dục – Dạy nghề 14.4. Chi phí lao động: Chưa xác định	
15. THÔNG TIN VỀ ĐỊA ĐIỂM DỰ ÁN	15.1. Vị trí	- Vị trí trong tỉnh: Các Khu công nghiệp tỉnh.
	15.2. Hiện trạng hạ tầng	Chưa xác định
	15.3. Điện	Chưa xác định
	15.4. Nước	Chưa xác định
	15.5. Hệ thống xử lý chất thải/nước thải	Chưa xác định
	15.6. Thông tin liên lạc	- Các dịch vụ hiện có: Internet cáp quang, 4G - Giá dịch vụ: Chưa xác định
	15.7. Giao thông	- Phương tiện giao thông chủ yếu: Đường bộ - Chi phí đi lại/vận tải hàng hoá: Chưa xác định
	15.8. Nhân lực	- Khả năng cung ứng lao động: Đảm bảo - Chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Chưa xác định
16. CHÍNH SÁCH, ĐIỀU KIỆN ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DỰ ÁN	- Về đất đai: - Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 3 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước. - Miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-Cp ngày 09/9/2016 của Chính phủ (15 năm kể từ khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động). - Thuế nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu các loại hàng hóa tạo nên tài sản cố định của dự án. - Thuế thu nhập doanh nghiệp: - Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội	
	17.1. Cơ cấu sản phẩm	Tự xác định

17. CƠ CẤU SẢN PHẨM VÀ NGUYÊN LIỆU	17.2. Nguyên liệu	Tự xác định
18. DỰ KIẾN LỢI NHUẬN VÀ THỜI GIAN THU HỒI VỐN	Tự xác định	
19. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	Chưa xác định	
20. THỦ TỤC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	20.1. Cơ quan cấp phép, loại giấy phép:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình là cơ quan đầu mối nhận hồ sơ, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ cấp Quyết định Chủ trương đầu tư.
	20.2. Hồ sơ dự án, số lượng bộ hồ sơ:	Hồ sơ bao gồm các thủ tục đã được quy định của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Số lượng hồ sơ: 08 bộ.
	20.3. Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ:	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
	20.4. Thời hạn xem xét Hồ sơ cấp phép	47 ngày.

